

Số: **1982** /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày **27** tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch phân khu đô thị
An Thới, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ
1/2000, quy mô điều chỉnh 25,39ha (Khu vực Núi Ông Quán)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quy chuẩn Việt Nam số 01:2021/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định 948/QĐ-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ

về giao nhiệm vụ chuẩn bị các điều kiện và thực hiện một số biện pháp để triển khai nhanh các dự án phục vụ Hội nghị APEC 2027 tại thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị An Thới tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô 1.022ha;

Căn cứ Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch sử dụng đất và giao thông thuộc Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2.000;

Căn cứ Báo cáo số 2670/BC-SXD ngày 16/6/2025 của Sở Xây dựng về việc xem xét, phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch phân khu đô thị An Thới, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô điều chỉnh 25,39ha (Khu vực Núi Ông Quán);

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2671/TTr-SXD ngày 16/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch phân khu đô thị An Thới, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô điều chỉnh 25,39ha (Khu vực Núi Ông Quán), với nội dung như sau:

I. LÝ DO ĐIỀU CHỈNH

Để cụ thể hóa định hướng của Đồ án Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 được phê duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ; khai thác hiệu quả sử dụng đất, tạo thêm các sản phẩm du lịch chất lượng cao tại địa phương, phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế xã hội tại thành phố Phú Quốc, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện các danh mục dự án phục vụ hội nghị APEC 2027 theo Quyết định số 948/QĐ-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ. Việc điều chỉnh cục bộ vị trí, chức năng sử dụng đất, chỉ tiêu sử dụng đất và giao thông nội bộ của Đồ án quy hoạch phân khu đô thị An Thới tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt tại Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 và Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh là cần thiết và phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 47 Luật Quy hoạch đô thị hiện hành.

II. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ

1. Phạm vi ranh giới điều chỉnh cục bộ

Phạm vi ranh giới lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu thuộc Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000 (đã được phê duyệt tại Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 và Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh), được xác định như sau:

- Phía Bắc: Giáp khu A của dự án Khu đô thị Gateway; dự án khu đô thị An Thới và đường giao thông (đường AT 8 theo quy hoạch phân khu được duyệt tại Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của UBND tỉnh).

- Phía Đông: Giáp đất hỗn hợp hiện trạng cải tạo, chỉnh trang và đất cây xanh cảnh quan (theo quy hoạch chung được duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg).

- Phía Nam: Giáp đất quy hoạch rừng phòng hộ (Khu vực núi Ông Quán).

- Phía Tây: Giáp khu A của dự án Khu đô thị Gateway.

2. Quy mô điều chỉnh cục bộ

Tổng diện tích lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu khoảng 25,39ha (chiếm 2,48% trên tổng diện tích 1.022ha được phê duyệt tại Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của UBND tỉnh).

3. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

3.1. Chỉ tiêu về dân số

Dự báo dân số sau khi hoàn thành, tại khu vực điều chỉnh cục bộ quy hoạch có thể phục vụ khoảng 3.900 người (Bao gồm: Dân số các khu nhà ở; dân số quy đổi từ khách du lịch, nhân viên và khách vắng lai...), chiếm khoảng 5,49% người trên tổng dân số 71.000 người của đồ án quy hoạch phân khu đô thị An Thới được phê duyệt tại Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của UBND tỉnh. Trong đó, khu vực dự kiến thực hiện dự án khu đô thị hỗn hợp du lịch sinh thái Núi Ông Quán (theo danh mục tại Quyết định số 948/QĐ-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ) khoảng 3.200 người (Bao gồm: Dân số các khu nhà ở; dân số quy đổi từ khách du lịch, nhân viên và khách vắng lai...).

3.2. Các chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

STT	Chỉ tiêu	Theo Quyết định số 2981/QĐ-UBND và Quyết định số 1631/QĐ-UBND UBND	Nội dung điều chỉnh cục bộ	Ghi chú
I	Sử dụng đất			
	Mật độ xây dựng gộp tại khu vực điều chỉnh cục bộ 25,39ha	0,96%	55%	Tăng 54,04%
	Hệ số sử dụng đất gộp tại khu vực điều chỉnh cục bộ 25,39ha	0,03 lần	4,4 lần	Tăng 4,37 lần
II	Hạ tầng kỹ thuật	Được điều chỉnh phù hợp quy chuẩn hiện hành		

4. Cơ cấu sử dụng đất

4.1. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

Điều chỉnh vị trí, chức năng sử dụng đất tại khu vực điều chỉnh cục bộ nhằm cụ thể hoá định hướng tại đồ án quy hoạch chung được duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

ST T	Chức năng	Theo Quyết định số 2981/QĐ-UBND và Quyết định số 1631/QĐ-UBND			Nội dung điều chỉnh cục bộ			Biến động	
		Kí hiệu	Diện tích	Tỷ lệ	Kí hiệu	Diện tích	Tỷ lệ	Tăng / Giảm	Diện tích
			(ha)	(%)		(ha)	(%)		(ha)
A	Đất dân dụng		24,83	97,8		17,73	69,83	Giảm	-7,10
1	Đất công cộng (hành chính, giáo dục, y tế, TM- DV)					2,24	8,83	Tăng	2,24
1.1	Đất thương mại dịch vụ				HCCC 09	0,27	1,07	Tăng	0,27
1.2	Đất công trình giáo dục					1,47	5,78	Tăng	1,47
					GD16	0,50		Tăng	0,50
					GD17	0,96		Tăng	0,96
1.3	Đất công trình thể dục thể thao				TDTT	0,50	1,98	Tăng	0,50
2	Đất ở		4,06	16,0		13,16	51,82	Tăng	9,10
2.1	Đất nhà ở thấp tầng		4,06			11,74	46,23	Tăng	7,68
		NO- THP1 7 (*)	0,67					Giảm	-0,67
		NO- THP2 1(*)	1,48					Giảm	-1,48
		NO- THP2 2(*)	1,91					Giảm	-1,91
					NO- THP23	1,54		Tăng	1,54
					NO- THP24	0,51		Tăng	0,51

ST T	Chức năng	Theo Quyết định số 2981/QĐ-UBND và Quyết định số 1631/QĐ-UBND			Nội dung điều chỉnh cục bộ			Biến động	
		Kí hiệu	Diện tích	Tỷ lệ	Kí hiệu	Diện tích	Tỷ lệ	Tăng / Giảm	Diện tích
			(ha)	(%)		(ha)	(%)		(ha)
					NO- THP25	4,04		Tăng	4,04
					NO- THP26	0,71		Tăng	0,71
					NO- THP27	1,35		Tăng	1,35
					NO- THP28	2,71		Tăng	2,71
					NO- THP29	0,89		Tăng	0,89
2.2	Đất nhà ở trung - cao tầng				NO- TCT18	1,42	5,59	Tăng	1,42
3	Đất cây xanh – mặt nước				CVCX -KO	2,33	9,19	Tăng	2,33
					CVCX- KO10	0,41		Tăng	0,41
					CVCX- KO11	1,39		Tăng	1,39
					CVCX- KO12	0,07		Tăng	0,07
					CVCX- KO13	0,46		Tăng	0,46
4	Đất cây xanh cảnh quan	CXC Q-01 (*)	20,77	81,8				Giảm	-20,77
B	Đất dân dụng khác		0,08	0,3		3,76	14,83	Tăng	3,68
1	Giao thông - Bãi xe					3,76	14,83	Tăng	3,76
1.1	Bãi xe				BX	0,56	2,21	Tăng	0,56
					BX3	0,09		Tăng	0,09
					BX4	0,47		Tăng	0,47
1.2	Giao thông		0,08	0,3		3,21	12,62	Tăng	3,13

ST T	Chức năng	Theo Quyết định số 2981/QĐ-UBND và Quyết định số 1631/QĐ-UBND			Nội dung điều chỉnh cục bộ			Biến động	
		Kí hiệu	Diện tích	Tỷ lệ	Kí hiệu	Diện tích	Tỷ lệ	Tăng / Giảm	Diện tích
			(ha)	(%)		(ha)	(%)		
C	Đất ngoài dân dụng		0,47	1,9		3,90	15,34	Tăng	3,42
1	Đất du lịch hỗn hợp				DLHH- DV	3,90	15,34	Tăng	3,90
					DLHH- DV4	2,93		Tăng	2,93
					DLHH- DV5	0,96		Tăng	0,96
2	Đất cây xanh bảo tồn	CXBT	0,47	1,9				Giảm	-0,47
TỔNG			25,39	100		25,39	100		0,00

Ghi chú (*): Tên chức năng sử dụng đất đã được điều chỉnh tại Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh.

4.2. Cơ cấu sử dụng đất sau khi điều chỉnh cục bộ

STT	Chức năng	Theo Quyết định số 2981/QĐ- UBND và Quyết định số 1631/QĐ- UBND		Nội dung điều chỉnh cục bộ		Tăng / Giảm	Diện tích
		Diện tích	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ		
		(ha)	(%)	(ha)	(%)		(ha)
A	Đất dân dụng	24,83	97,8	17,73	69,83	Giảm	-7,10
1	Đất công cộng (hành chính, giáo dục, y tế, TM- DV)			2,24	8,83	Tăng	2,24
1.1	Đất thương mại dịch vụ			0,27	1,07	Tăng	0,27
1.2	Đất công trình giáo dục			1,47	5,78	Tăng	1,47
1.3	Đất công trình thể dục thể thao			0,50	1,98	Tăng	0,50
2	Đất ở	4,06	16,0	13,16	51,82	Tăng	9,10
2.1	Đất nhà ở thấp tầng	4,06	16,0	11,74	46,23	Tăng	7,68

STT	Chức năng	Theo Quyết định số 2981/QĐ-UBND và Quyết định số 1631/QĐ-UBND		Nội dung điều chỉnh cục bộ		Tăng / Giảm	Diện tích
		Diện tích	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ		
		(ha)	(%)	(ha)	(%)		(ha)
2.2	Đất nhà ở trung cao tầng			1,42	5,59	Tăng	1,42
3	Đất công viên cây xanh			2,33	9,19	Tăng	2,33
4	Đất cây xanh cảnh quan	20,77	81,8			Giảm	-20,77
B	Đất dân dụng khác	0,08	0,3	3,76	14,83	Tăng	3,68
1	Giao thông - Bãi xe	0,08	0,3	3,76	14,83	Tăng	3,68
1.1	Bãi xe			0,56	2,20	Tăng	0,56
1.2	Giao thông	0,08	0,3	3,20	12,63	Tăng	3,12
C	Đất ngoài dân dụng	0,47	1,9	3,90	15,34	Tăng	3,43
1	Đất du lịch hỗn hợp			3,90	15,34	Tăng	3,90
2	Đất cây xanh bảo tồn	0,47	1,9			Giảm	-0,47
TỔNG		25,39	100	25,39	100		

5. Điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất tại các vị trí điều chỉnh cục bộ

STT	Chức năng	Điều chỉnh cục bộ		MĐXD (%)	Tầng cao tối đa	Hệ số SDD tối đa
		Kí hiệu	Diện tích (ha)			
A	Đất dân dụng		17,73			
1	Đất công cộng (hành chính, giáo dục, y tế, TM- DV)		2,24			
1.1	Đất thương mại dịch vụ	HCCC09	0,27	60%	5	3,0
1.2	Đất công trình giáo dục	GD	1,47	40%	3	1,2
		GD16	0,50	40%	3	1,2
		GD17	0,96	40%	3	1,2
1.3	Đất công trình thể dục thể thao	TDDT	0,50	40%	2	0,8
2	Đất ở		13,16			

STT	Chức năng	Điều chỉnh cục bộ		MĐXD (%)	Tầng cao tối đa	Hệ số SDD tối đa
		Kí hiệu	Diện tích (ha)			
2.1	Đất nhà ở thấp tầng	NO-THP	11,74	60%-90%	6	3,6 - 5,4
		NO-THP23	1,54	60%-90%	6	3,6 - 5,4
		NO-THP24	0,51	60%-90%	6	3,6 - 5,4
		NO-THP25	4,04	60%-90%	6	3,6 - 5,4
		NO-THP26	0,71	60%-90%	6	3,6 - 5,4
		NO-THP27	1,35	60%-90%	6	3,6 - 5,4
		NO-THP28	2,71	60%-90%	6	3,6 - 5,4
		NO-THP29	0,89	60%-90%	6	3,6 - 5,4
2,2	Đất nhà ở trung - cao tầng	NO-TCT18	1,42	47%	7	3,29
3	Đất công viên cây xanh	CVCX-KO	2,33			
		CVCX-KO10	0,41	5%	1	0,05
		CVCX-KO11	1,39	5%	1	0,05
		CVCX-KO12	0,07			
		CVCX-KO13	0,46	5%	1	0,05
B	Đất dân dụng khác		3,76			
1	Giao thông - Bãi xe		3,76			
1.1	Bãi xe	BX	0,56			
		BX3	0,09			
		BX4	0,47			
1.2	Giao thông		3,21			

STT	Chức năng	Điều chỉnh cục bộ		MĐXD (%)	Tầng cao tối đa	Hệ số SDD tối đa
		Kí hiệu	Diện tích (ha)			
C	Đất ngoài dân dụng		3,90			
1	Đất du lịch hỗn hợp	DLHH-DV	3,90			
		DLHH-DV04	2,93	41%*	25**	10,25
		DLHH-DV05	0,96	46%*	25**	11,50
TỔNG			25,39			

Ghi chú:

(*): Đối với tổ hợp công trình bao gồm phần đế công trình và phần tháp cao phía trên, quy định mật độ xây dựng được tách riêng đối với phần đế công trình và phần tháp cao phía trên theo chiều cao tương xứng nhưng phải đảm bảo hệ số sử dụng đất chung của phần đế và phần tháp không vượt quá hệ số sử dụng đất tối đa của các lô đất được quy định tại Quyết định này.

(**): Tổng chiều cao công trình sẽ được cụ thể hoá trong bước lập quy hoạch chi tiết và phải được Cục Tác chiến Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam chấp thuận độ cao tỉnh không xây dựng công trình cho từng vị trí cụ thể (theo quy định tại Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ).

Chỉ tiêu sử dụng đất tại các khu vực còn lại: Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 và Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh.

6. Điều chỉnh bổ sung quy hoạch không gian ngầm tại khu vực điều chỉnh cục bộ

- Bổ sung quy định về tầng hầm tại vị trí điều chỉnh cục bộ như sau:
 - + Đối với các khu đất có chức năng đất nhà ở thấp tầng thuộc nhóm đất ở được xây dựng tối đa 2 tầng hầm.
 - + Đối với các khu đất có chức năng đất nhà ở trung cao tầng thuộc nhóm đất ở và đất du lịch hỗn hợp được xây dựng tối đa 3 tầng hầm.
- Nghiên cứu ngầm hoá các hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khuyến khích phát triển các công trình giao thông ngầm nhưng phải đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển không gian ngầm của quy hoạch chung được duyệt và đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD), các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các quy định pháp khác có liên quan.

7. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan khu vực điều chỉnh cục bộ đảm bảo hài hòa về không gian kiến trúc, kết nối đồng bộ về hạ tầng xã hội và hạ

tầng kỹ thuật với khu vực xung quanh, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển không gian theo Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 đã được phê duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Quy chuẩn về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD) và đảm bảo tuân thủ các quy định khác có liên quan.

- Các nội dung khác của hệ thống giao thông tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 và Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Hệ thống giao thông

- Điều chỉnh bổ sung các tuyến đường như sau:

+ Đoạn có ký hiệu mặt cắt 3-3: Lộ giới rộng 16m, mặt đường rộng 10m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m.

+ Đoạn có ký hiệu mặt cắt 4-4: Lộ giới rộng 13m, mặt đường rộng 7m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m.

+ Đoạn có ký hiệu mặt cắt 6-6: Lộ giới rộng 13m, mặt đường rộng 6m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,5m.

+ Đoạn có ký hiệu mặt cắt 8-8: Lộ giới rộng 12m, mặt đường rộng 6m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m.

(Vị trí, hướng tuyến của các tuyến đường được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông)

- Các nội dung còn lại của quy hoạch hệ thống giao thông tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 và Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh.

8.2. Các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác

Các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác như cao độ nền, thoát nước mưa, cấp nước, cấp điện và chiếu sáng, thoát nước thải và vệ sinh môi trường phải được rà soát điều chỉnh đảm bảo thống nhất, đồng bộ cho toàn khu quy hoạch, phải phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và được thể hiện trong các bản vẽ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

9. Các nội dung còn lại tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 và Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị có liên quan:

1. Giao Sở Xây dựng chịu trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND thành phố Phú Quốc, và các sở, ngành có liên quan:

+ Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố công khai Điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch phân khu đô thị An Thới, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên

Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô điều chỉnh 25,39ha (Khu vực Núi Ông Quán); Lập, phê duyệt hồ sơ mốc giới, triển khai cắm mốc theo quy hoạch được duyệt ngoài thực địa để các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết và giám sát thực hiện.

+ Tổ chức quản lý không gian kiến trúc cảnh quan, sử dụng đất, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được duyệt.

+ Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tính toán nghĩa vụ tài chính trong trường hợp Điều chỉnh cục bộ làm tăng hệ số sử dụng đất của toàn dự án.

2. Giao Trung tâm Quy hoạch xây dựng - Sở Xây dựng phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND thành phố Phú Quốc và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong hồ sơ Đồ án quy hoạch phân khu đô thị An Thới, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000 (được phê duyệt tại Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của UBND tỉnh); hồ sơ điều chỉnh cục bộ Quy hoạch sử dụng đất và giao thông thuộc Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị An Thới thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000 (được phê duyệt tại Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh) những nội dung điều chỉnh cục bộ nêu trên, đảm bảo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Du lịch; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc; Giám đốc Trung tâm Quy hoạch xây dựng - Sở Xây dựng; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1742/QĐ-UBND ngày 16/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng (10 bản);
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT, lqkhanh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Giang Thanh Khoa